

MỤC LỤC

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

I. Lý do chọn đề tài.....	2
1. Cơ sở lý luận.....	2
2. Cơ sở thực tiễn.....	3
3. Tính mới của đề tài.....	4
II. Mục đích nghiên cứu.....	4
III. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu.....	4
IV. Phương pháp nghiên cứu.....	5

PHẦN II: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

I. Thực trạng vấn đề nghiên cứu.....	6
1. Thuận lợi.....	6
2. Khó khăn.....	6
II. Bản chất, ưu thế của dạy học vận dụng thi pháp tác phẩm vào việc đọc hiểu đoạn trích <i>Việt Bắc</i> của Tố Hữu	7
1. Khái niệm về thi pháp và thi pháp học.....	7
2. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu những bình diện cơ bản của thi pháp tác phẩm trong đoạn trích <i>Việt Bắc</i> của Tố Hữu.....	7
3. Kết hợp các phương pháp dạy học tích cực khi vận dụng thi pháp tác phẩm vào việc qua đọc hiểu đoạn trích Việt Bắc.....	13
3.1. Phương pháp đọc sáng tạo.....	13
3.2. Phương pháp đàm thoại.....	13
3.3. Phương pháp trực quan.....	14
3.4. Phương pháp dạy học tích hợp liên môn.....	14
III. Tiến trình tiết dạy học vận dụng thi pháp tác phẩm vào việc đọc hiểu đoạn trích <i>Việt Bắc</i> của Tố Hữu.....	16
IV. Kết quả nghiên cứu và bài học kinh nghiệm.....	23
1. Kết quả.....	23
2. Bài học kinh nghiệm.....	24
PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	25
I. Kết luận.....	25
II. Khuyến nghị.....	25
Tranh minh họa.....	27
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	28

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

I. Lí do chọn đề tài

Văn học bồi đắp cho các em học sinh tình yêu cuộc sống, nhìn cuộc sống bằng con mắt “xanh non, biếc rờn”. Văn học còn giúp các em biết yêu thương người hơn, biết chia sẻ, cảm thông giống như M.Gorki từng nói “Văn học là nhân học”. Song văn học ở mỗi thời kì lại có những đặc điểm riêng. Văn học phát triển đòi hỏi phương pháp dạy học Ngữ văn cũng phải được đổi mới. Đã có nhiều phương pháp đổi mới trong cách tiếp nhận tác phẩm văn học. Có người đi từ phương pháp khai thác nội dung để rút ra những nét nghệ thuật trong tác phẩm. Có người lại chú ý khám phá tầng sâu ý nghĩa tác phẩm, nhưng thực tế trong dạy học Ngữ văn hiện nay, thi pháp tác giả và thi pháp tác phẩm vẫn chưa thực sự được quan tâm, chú ý. Trong số bao nhà thơ, nhà văn, Tố Hữu được coi là cây đại thụ lớn nhất của nền văn học. Các tác phẩm của ông được đưa vào chương trình nhà trường cũng không ít, rải rác từ các lớp Tiểu học qua bài thơ *Lượm*, đến THCS rồi THPT với một loạt thi phẩm *Từ ấy*, *Bác ơi!*... Đặc biệt *Việt Bắc* là một bài thơ đã cuốn hút bao người yêu thơ chứ không chỉ giới học trò. Tuy nhiên, bài thơ quá dài trong chương trình Ngữ văn lớp 12 chỉ lược trích 90 câu của phần đầu bài thơ.

Vậy mà việc dạy học đoạn trích *Việt Bắc* của nhà thơ Tố Hữu vẫn gặp nhiều khó khăn. Chúng tôi khao khát muốn khám phá cái hay cái đẹp qua đoạn trích. Vì thế, chúng tôi tiến hành những nghiên cứu đề tài *Vận dụng thi pháp tác phẩm vào việc đọc hiểu đoạn trích Việt Bắc của Tố Hữu (Ngữ văn 12, Tập I)*. Với đề tài này, chúng tôi muốn tìm ra cách dạy thích hợp mang tính khoa học và nghệ thuật để nâng cao hiệu quả một giờ giảng dạy Ngữ văn giúp học sinh biết cách cảm thụ văn chương, yêu môn Ngữ văn hơn. Đề tài này cũng chính là công trình luận văn Thạc sĩ của tôi.

1. Cơ sở lí luận của đề tài

Phương pháp giáo dục phổ thông phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh, phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học; bồi dưỡng phương pháp tự học, khả năng làm việc theo nhóm; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho học sinh.

Đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn đang được Bộ Giáo dục cũng như các cấp, các ngành quan tâm. Bởi những năm gần đây, môn Ngữ văn đang dần mất ưu thế, không còn là môn học được đông đảo các em học sinh yêu thích. Vì vậy, môn Ngữ văn cần được thay đổi cách dạy, cách học làm sao để thu hút học sinh. Dạy học lấy học sinh làm trung tâm, lồng ghép các phương pháp dạy học

như: phương pháp trực quan, đọc sáng tạo, dạy học tích hợp liên môn... để bài học thêm phong phú, hấp dẫn. Tùy theo kinh phí mỗi trường, có thể sau một số bài học, nhà trường cho các em đi tham quan, thực tế để các em thấy được văn học gắn liền với đời sống, không xa rời cuộc sống. Điều này cũng khơi gợi tình yêu văn học trong các em học sinh.

2. Cơ sở thực tiễn của đề tài

Belinskynói: “Trong tác phẩm nghệ thuật, tư tưởng và hình thức phải hòa hợp với nhau một cách hữu cơ như tâm hồn và thể xác, nếu hủy diệt hình thức thì cũng là hủy diệt tư tưởng và ngược lại...”. “Hình thức mang tính nội dung” (Trần Đình Sử). Cho nên, phương pháp dạy học Ngữ văn dựa vào thi pháp học là đi từ hình thức đến nội dung.

Thực tế, trong giảng dạy Ngữ văn ở các trường THPT, nhiều giáo viên vẫn dạy theo lối cũ. Đó là đi tìm nội dung tác phẩm trước rồi sau đó mới đến tìm hiểu nghệ thuật hoặc phần nghệ thuật chỉ được coi như phần phụ, tìm hiểu một cách sơ sài. Cách giảng dạy như vậy khiến cho tác phẩm văn học nói chung, tác phẩm thơ nói riêng rơi vào rời rạc, thiếu sự liên kết. Đặc biệt học sinh hiểu văn bản không đầy đủ, không sâu sắc thậm chí thiếu căn cứ thuyết phục.

Theo phương pháp giảng dạy mới, giáo viên chỉ là người khơi gợi vấn đề còn việc tìm hiểu, đi sâu vào văn bản là do học sinh. Song một thực tế khác, một bộ phận giáo viên còn sử dụng phương pháp giảng dạy cũ, giáo viên truyền thụ, học sinh tiếp thu một cách thụ động. Như thế, giáo viên vô tình đã lấy mất sự sáng tạo trong các cách hiểu của các em. Lâu dần các em sẽ không chịu suy nghĩ, không cảm nhận nét hay nét đẹp trong tác phẩm văn chương. Điều này đồng nghĩa với việc các em học sinh thiếu đam mê trong việc học Ngữ văn. Giờ dạy – học văn sẽ tẻ nhạt. Đã vậy, học sinh còn thờ ơ với môn Ngữ văn vì đa số các bài đều dạy chay, ít minh họa. Hầu hết các em học sinh đều soạn bài, chuẩn bị bài ở nhà. Tới lớp các em được thầy cô giảng dạy lý thuyết rồi thực hành, làm bài tập. Tất cả quá trình này đều diễn ra trên sách vở, trên lớp học. Giáo viên không phải bài dạy nào cũng có hình ảnh minh họa qua giáo án điện tử, qua tranh ảnh, học sinh cũng ít được đi tham quan, thực tế. Đặc biệt vấn đề thi pháp cũng ít được giáo viên, học sinh đi sâu, đa số giáo viên chỉ kết hợp trong phần nghệ thuật. Tài liệu tham khảo về thi pháp lại không nhiều. Đây là điều khó khăn trong dạy học Ngữ văn ở các trường phổ thông.

Đoạn trích trong bài thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu được đưa vào chương trình Sách giáo khoa lớp 12 THPT đã thể hiện đầy đủ thi pháp tác phẩm. Thể thơ lục bát, lối xưng hô mình – ta quen thuộc trong ca dao, giọng thơ mang tính chất tâm tình rất tự nhiên, đầm thắm, chân thành thể hiện những rung động của nhà

thơ với đời sống cách mạng, với tình nghĩa cách mạng, hướng về đồng bào, đồng chí mà trò chuyện, nhắn nhủ, tâm sự:

Ta với mình, mình với ta

Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh

Vì thế, đoạn trích trong bài thơ **Việt Bắc** đã được biết bao người Việt Nam, bao thế hệ học trò đón nhận một cách nồng nhiệt.

3. Tính mới của đề tài

Giáo viên vận dụng thi pháp tác phẩm qua đọc hiểu đoạn trích **Việt Bắc** của Tố Hữu để học sinh có hướng tiếp cận mới mẻ, sâu sắc vấn đề. Đây là cách tạo ra kích thích mạnh mẽ, làm tăng hứng thú dạy học, tiếp nhận của học sinh.

Đối với học sinh: kiến thức về thi pháp tác phẩm còn rất mơ hồ. Các em hiểu về một tác giả chỉ thông qua cuộc đời, sự nghiệp mà ít đi sâu vào thi pháp tác giả. **Phân tích về một tác phẩm, một bài thơ, đa số các em đi tìm hiểu về nội dung trước rồi mới đến nghệ thuật và hiểu nghệ thuật một cách chung chung sẽ không thấy hết những ngụ ý mà tác giả gửi gắm.** Vì vậy, hướng học sinh vận dụng thi pháp tác phẩm qua đọc hiểu đoạn trích **Việt Bắc** của Tố Hữu là chìa khóa giúp các em tập trung đi sâu hơn, ghi nhớ kỹ hơn về cảm hứng nghệ thuật, ngôn ngữ, giọng điệu, tứ thơ, kết cấu, thời gian, không gian, nhân vật trữ tình ... Từ đó, các em có thể áp dụng vào bất kỳ tác phẩm nào trong chương trình học của mình, mở ra những cơ hội mới để các em chiếm lĩnh tác phẩm một cách sâu sắc và cảm nhận được vẻ đẹp muôn màu của cuộc sống xung quanh.

Đối với giáo viên: vận dụng thi pháp tác phẩm qua đọc hiểu đoạn trích **Việt Bắc** của Tố Hữu là con đường quan trọng để hình thành những cách khai thác nhiều tác phẩm văn học khác nhau. Giáo viên sẽ biết bám sát các đặc điểm về thi pháp tác phẩm để khai thác hết sức mạnh của nó. Tuy nhiên, mỗi tác giả, tác phẩm những đặc điểm này có thể khác nhau đôi chút, giáo viên có thể tùy từng bài mà khám phá hết chiều sâu của các tác phẩm ấy.

II. Mục đích nghiên cứu

Vận dụng quan điểm dạy học theo thi pháp tác phẩm vào giảng dạy một tác phẩm văn học đặc biệt qua đoạn trích **Việt Bắc** nhằm góp phần đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn, nâng cao hiệu quả giảng dạy. Qua đó, góp phần bồi dưỡng năng lực nhận thức và tình yêu văn học của học sinh, tạo hứng thú học tập cho học sinh.

III. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

1. Đối tượng

- Quá trình dạy học vận dụng thi pháp tác phẩm qua đoạn trích **Việt Bắc** của Tố Hữu.

- Học sinh lớp 12 ban Cơ bản THPT.

2. Phạm vi nghiên cứu

- Nghiên cứu lí luận về vận dụng thi pháp tác phẩm.
- Cách tổ chức hoạt động dạy học vận dụng thi pháp tác phẩm qua đọc hiểu đoạn trích *Việt Bắc* của Tố Hữu trong chương trình Ngữ văn.
- Khảo sát học sinh lớp 12, trường Trung học phổ thông, tháng 9 học kì I, năm học 2017 – 2018.

IV. Phương pháp nghiên cứu

1. Phương pháp phân tích tổng hợp

2. Phương pháp nghiên cứu lí luận: sưu tầm, đọc tài liệu, nghiên cứu các tài liệu về thi pháp tác phẩm, các sáng tác của Tố Hữu, các bài viết phê bình về tác phẩm *Việt Bắc*.

3. Phương pháp thực nghiệm sư phạm: được tiến hành nhằm khẳng định tính khả thi và hiệu quả của đề tài.

PHẦN II: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

I. Thực trạng dạy học đoạn trích *Việt Bắc* của Tố Hữu trong chương trình Ngữ văn 12

1. Thuận lợi

Các em học sinh đã biết đến tác giả Tố Hữu qua một số bài thơ được học trong chương trình Trung học cơ sở như bài *Lượm*, bài *Nhớ đồng*, *Từ ấy* trong chương trình Trung học phổ thông, lớp 11. Qua sách báo, qua thông tin đại chúng, các em cũng được biết về nhà thơ nổi tiếng với biết bao vần thơ đi vào quần chúng, đi vào lòng người. Đặc biệt những vần thơ trong bài *Việt Bắc* theo thể lục bát gần gũi với ca dao, sử dụng cách xưng hô ta – mình, nhiều thành ngữ dân gian, ngôn ngữ đời thường, biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ, liệt kê, đối... khiến các em học sinh dễ đọc, dễ hiểu. Cho nên, giữa nhà văn, tác phẩm và người đọc không có khoảng cách quá lớn về mặt ngôn ngữ, tư duy nghệ thuật, hoàn cảnh và môi trường sống. Đó là mặt thuận lợi để các em học đoạn trích *Việt Bắc*. Phương pháp dạy học hiện đại lấy học sinh làm trung tâm, giáo viên chỉ là người khơi gợi, hướng dẫn, còn chính các em là người chủ động tìm tòi, chủ động tìm hiểu tác phẩm.

2. Khó khăn

Đây là đoạn thơ tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Tố Hữu. Vì thế, nó đã có lỗi mòn trong giảng dạy bằng phương pháp cũ, chủ yếu dạy theo các phương pháp truyền thống, phân tích bài thơ, đoạn trích theo từng đoạn thơ, khổ thơ tức phân tích theo cách bổ ngang, hoặc đi từ nội dung đến nghệ thuật. Điều này khiến cho giáo viên và học sinh chưa chú trọng về những kiến thức thi pháp tác giả và thi pháp tác phẩm trong đoạn trích. Toàn bộ tác phẩm có dung lượng dài, chỉ tính riêng đoạn trích trong sách giáo khoa cũng có đến 90 câu thơ nên bên cạnh việc nắm bắt các vấn đề cốt lõi, giáo viên khai thác không sâu rộng thì sẽ dễ phá vỡ tính chỉnh thể của tác phẩm và trượt khỏi ý đồ của tác giả.

Các rào cản về tâm sinh lý lứa tuổi, nhu cầu thẩm mỹ, thời đại... Học sinh ở lứa tuổi 9X sinh ra trong thời bình nên các em không phải chứng kiến chiến tranh, các cuộc chia tay như trong bài nên khó có thể hiểu hết tình cảm gắn bó giữa cán bộ kháng chiến với đồng bào miền xuôi cho dù các em có tưởng tượng, nhập vai vào nhân vật. Hơn nữa, học sinh phổ thông hiện nay còn thờ ơ, ít đọc thơ, không có thói quen chủ động, khám phá, tìm hiểu bài học. Số lượng các em có sở tay văn học để chép những bài thơ, bài văn mình yêu thích chắc không có là bao. Các em chỉ học thuộc được những bài có trong chương trình học đã là chăm chỉ. Thậm chí, có những học sinh còn nhầm lẫn giữa bài thơ này với bài thơ khác. Bởi các em chủ yếu lựa chọn các môn học thời thượng như Toán, Lí,

Hóa, Ngoại ngữ... mà dần rời xa môn Ngữ văn. Vì thế, đôi khi cái nhìn của các em về tác phẩm còn lệch lạc, thậm chí sai kiến thức cơ bản. Đoạn trích *Việt Bắc* của Tố Hữu cũng không phải là ngoại lệ. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do giáo viên và học sinh chưa vận dụng thi pháp tác phẩm khi đọc hiểu đoạn trích.

II. Bản chất, ưu thế của vận dụng thi pháp tác phẩm vào việc đọc hiểu đoạn trích *Việt Bắc* của Tố Hữu

1. Khái niệm về thi pháp và thi pháp học

Thi pháp là hệ thống nguyên tắc nghệ thuật chi phối sự tạo thành của hệ thống nghệ thuật với các đặc sắc của nó. Thi pháp biểu hiện trên các cấp độ: tác phẩm, thể loại, ngôn ngữ, tác giả và bao trùm là cả nền văn học. Thi pháp học là khoa học đặc thù nghiên cứu thi pháp tức nghiên cứu các phương tiện nghệ thuật tạo nên tác phẩm nghệ thuật ngôn từ trong sự thống nhất toàn vẹn của nó.

Chuyên đề thi pháp học được Trần Đình Sử mở tại Đại học Sư phạm Hà Nội, một số cuộc Hội thảo chuyên đề về Thi Pháp học đã được tổ chức tại Hà Nội... Từ đó nhu cầu tìm hiểu thi pháp học trở nên sôi động trong giới nghiên cứu và giảng dạy văn học, nhiều người xem đó là cách để tạo nên sự đổi mới trong nghiên cứu, phê bình văn học được thành công của Trần Đình Sử ở *Thi pháp thơ Tố Hữu* trên hai phương diện ứng dụng và lý luận thi pháp học. Năm 1991, Nguyễn Lai, qua *Sức mạnh lý giải của hệ thống qua công trình "Thi pháp thơ Tố Hữu"* in trong sách *Ngôn ngữ và sáng tạo văn học*, đã nhận ra khả năng ứng dụng cao của thi pháp học trong nghiên cứu văn học. Trần Đình Sử đã kiểm định và khẳng định lý thuyết trên thông qua cơ sở thực tiễn văn học Việt Nam. Ông đã chứng tỏ tính năng động, mềm dẻo của ứng dụng *thi pháp học thuộc lý thuyết tiếp nhận trên nhiều cấp độ* (nghiên cứu tác phẩm, tác giả và giai đoạn văn học) qua hai công trình tiêu biểu: *Thi pháp thơ Tố Hữu* (1985), *Thi pháp Truyện Kiều* (2001). *Thi pháp thơ Tố Hữu* của Trần Đình Sử “là công trình có hệ thống đầu tiên tiếp cận văn học Việt Nam từ thi pháp học”.

Thi pháp học có thi pháp tác giả và thi pháp tác phẩm. Ở sáng kiến này, chúng ta sẽ đi tìm hiểu về thi pháp tác phẩm.

2. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu những bình diện cơ bản của thi pháp tác phẩm vào việc đọc hiểu đoạn trích *Việt Bắc* của Tố Hữu

Thi pháp tác phẩm: là hình thức nghệ thuật nổi bật của một tác phẩm.

2.1. Nghệ thuật triển khai tứ thơ

Cái bao trùm và chi phối tất cả các yếu tố trong một bài thơ có ý nghĩa như điểm tựa cho sự vận động của cảm xúc, tư tưởng gọi là tứ thơ. Tứ thơ là hình thức đặc biệt để biểu hiện ý nghĩa bài thơ một cách không trực tiếp. Viên

Mai, một nhà thơ đời Thanh nói thơ quý sự “cong”, không quý “thẳng” là như vậy. Chẳng hạn, Phạm Ngũ Lão bộc lộ ước muốn sự nghiệp như Gia Cát Lượng qua câu: “Công danh nam tử còn vương nợ, Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu”. Đó là tứ, là cách nói quanh co, không trực tiếp. Nhưng thơ hay, có vị là nhờ tứ.

Nghệ thuật triển khai tứ thơ trong đoạn trích chính là sự liên tưởng, hồi tưởng về khoảng cách thời gian từ những năm 1940 – 1954. Tứ thơ trong **Việt Bắc** có ý nghĩa tượng trưng. Đó là lời ân cần dặn dò lòng sắt son chung thủy trong phút chia tay của người cán bộ xuôi về thành thị, với núi rừng, quê hương cách mạng. Đoạn trích được chia làm 11 khổ thơ với những nội dung xuyên suốt.

2.2. Thi pháp kết cấu văn bản thơ

Kết cấu là sự sắp xếp, tổ chức các thành tố của văn bản thành một đơn vị thống nhất, hoàn chỉnh, có ý nghĩa. Có kết cấu hoành tráng của các sử thi, kết cấu đầy yếu tố bất ngờ của truyện trinh thám và kết cấu mở theo dòng suy nghĩ của tùy bút, tạp văn...

Đoạn trích **Việt Bắc** mang hình thức đối đáp, bên hỏi, bên trả lời, đậm màu sắc ca dao của kẻ ở, người đi, giữa hai nhân vật trữ tình ta và mình vốn rất quen thuộc trong ca dao, dân ca. Người ở lại là đồng bào chiến khu Việt Bắc, người ra đi là những cán bộ kháng chiến từng gắn bó với quê hương cách mạng suốt mười mấy năm trời. Song “đối đáp là kết cấu bên ngoài, mà độc thoại, tự biểu hiện là kết cấu bên trong” (Nguyễn Đăng Mạnh). Do sự thâm nhập giữa đối đáp và độc thoại đó, mà trong bài thơ “ta” và “mình” không phải lúc nào cũng là hai nhân vật tách biệt, mà có khi chuyển hóa lẫn nhau.

Kết cấu thứ hai, bài thơ được xây dựng theo diễn biến tự nhiên của tâm trạng hoài niệm. Từ hiện tại với cuộc chia li kẻ ở - người đi, tác giả hồi tưởng về quá khứ ân tình của “mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng” và cùng nhau hướng tới tương lai tươi sáng của đất nước. Đó là kết cấu theo kiểu thời gian cách quãng.

2.3. Thi pháp thời gian, thi pháp không gian nghệ thuật

Thời gian nghệ thuật trong văn học không phải giản đơn chỉ là quan điểm của tác giả về thời gian mà rất phong phú. Đó là một hình tượng thời gian sinh động, đa dạng, được dùng làm hình thức nghệ thuật để phản ánh hiện thực, tổ chức tác phẩm. Thời gian nghệ thuật cũng được ý thức sâu sắc, tinh nhạy hơn không gian nghệ thuật bởi trong văn học sự vênh lệch giữa thời gian trần thuật và thời gian được trần thuật được biểu hiện rất rõ. Vì vậy, yếu tố thời gian nghệ thuật luôn được lưu tâm hơn không gian nghệ thuật. Thời gian trong tác phẩm

gồm có: thời gian được trần thuật (hình tượng thời gian) và thời gian trần thuật (thời gian kể chuyện). Tìm hiểu hình tượng thời gian cần chú ý ý nghĩa của các thời: thời quá khứ, hiện tại, tương lai, độ đo thời gian của các nhân vật... Tìm hiểu thời gian trần thuật cần chú ý cấp độ thời gian như: trật tự kể với thời gian sự kiện, thời lưu (độ dài các sự kiện được tính bằng câu), tần suất. Các thủ pháp thời gian như: trì hoãn, giãn cách, đảo tuyến, chêm xen, hoán vị, đồng hiện, bỏ lửng, che dấu, đón trước. Mỗi một tác phẩm có một cách lựa chọn thời gian khác nhau phụ thuộc vào mục đích của văn bản.

Thơ Tố Hữu thuộc dòng văn học cách mạng nên Trần Đình Sử tìm ra nét đặc trưng nhất về thời gian nghệ thuật trong thơ Tố Hữu là: “Nhà thơ đã xây dựng thành công hình tượng thời gian lịch sử trong thơ với các bình diện khác nhau, khắc hoạ dòng thời gian vận động mang nhịp sống lớn của thời đại”. Nếu trong thơ cổ điển là thời gian vũ trụ tuần hoàn, Thơ mới là thời gian cá nhân, riêng tư thì “Tố Hữu là người đầu tiên đem gắn thời gian đời tư vào hệ quy chiếu thời đại mới”; “tính thời điểm đời tư bằng thời điểm cách mạng”, “thời gian cá nhân và thời gian lịch sử hoà hợp thành một dòng duy nhất”. Và “Đặc sắc khác của thơ Tố Hữu là đã thể hiện thành công trong thơ Việt Nam hình tượng trong một dòng thời gian vận động”.

Mỗi tác phẩm có một không gian do tác giả lựa chọn. Không gian nghệ thuật gồm: không gian sự kiện, không gian bối cảnh, không gian tâm lý. Hay nói cách khác không gian nghệ thuật không phải là không gian vật chất mà chủ yếu là không gian của tinh thần, không gian của tâm tưởng, cảm xúc... và nó cũng có nhiều lớp như không gian vũ trụ, không gian xã hội, không gian địa lý, không gian con người. gắn liền với không gian không cản trở, Thơ mới gắn với không gian vũ trụ... *Tràng giang* của Huy Cận là một trong số không nhiều thi phẩm tuyệt tác của phong trào Thơ mới. Màu sắc cổ điển trong bài thơ gợi lên từ nhan đề, lời đề từ: “Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài”. “Trời rộng” gợi cảm giác về sự vô biên của vũ trụ, “sông dài” tạo ấn tượng về cái vô cùng của không gian. “Trời rộng” và “sông dài” mở ra không gian ba chiều, con người cảm thấy cô đơn, bé nhỏ trước cái mênh mông, bất tận của trời đất.

Không gian của *Việt Bắc* là cuộc họp của Chính phủ là hang núi chật hẹp, vậy mà vẫn lồng lộng gió núi, vẫn rực rỡ cờ đỏ sao vàng, vẫn chan hòa ánh nắng... Tố Hữu đã khéo léo vận dụng thành công đặc trưng tái hiện không gian vô cực của thi ca – gói trọn bốn mùa xuân - hạ - thu - đông trong những sắc màu đẹp nhất, hài hoà nhất. Nét son của bức tranh núi rừng ở đây là màu đỏ tươi của hoa chuối. Chấm phá của tranh thủy mặc điểm một sắc đỏ trong không gian xanh bao la, không gian mang sức sống mãnh liệt. Không gian mùa xuân bừng

sáng trong sắc hoa mơ. Không gian nổi nhớ hình như rõ nét nhất, đậm đà nhất trong bức tranh mùa hạ. Và cả không gian nhuộm rực ánh vàng:

Rừng thu trăng rọi hoà bình

Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung

Thời gian trong tác phẩm văn học gồm có: thời gian được trần thuật (hình tượng thời gian) và thời gian trần thuật (thời gian kể chuyện). Tìm hiểu hình tượng thời gian cần chú ý ý nghĩa của các thời: thời quá khứ, hiện tại, tương lai... Nếu trong thơ cổ điển là thời gian vũ trụ tuần hoàn, Thơ mới là thời gian cá nhân, riêng tư thì “Tố Hữu là người đầu tiên đem gắn thời gian đời tư vào hệ quy chiếu thời đại mới”; “tính thời điểm đời tư bằng thời điểm cách mạng.

Về thời gian trong Việt Bắc: tứ thơ vận động qua các khâu hiện tại-quá khứ-tương lai. Quá khứ thường được hồi tưởng qua những cảm xúc và ấn tượng. Thời gian mở đầu được gọi lên bằng một câu hỏi ngọt ngào:

Mình về mình có nhớ ta

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng

“Mười lăm năm ấy” là khoảng thời gian từ “khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh” (1941 – 1945). Đây là thời gian đầy thử thách, với bao khó khăn, gian khổ trong buổi đầu khởi nghĩa. Và sau đó là những năm kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), là khoảng thời gian Việt Bắc trở thành căn cứ địa của cách mạng, trở thành Thủ đô gió ngàn. Đó là thời gian mà *ta* và *mình* biết bao *thiết tha mặn nồng*.

Sau thời gian gắn bó thủy chung, thân thiết giữa *mình* với *ta* là một lời khẳng định sắt son của người ra đi: *Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh*. Thời gian tiếp theo là bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông, hai thời điểm quá khứ và hiện tại. Mùa đông, mùa xuân, mùa hạ là những cảnh sắc hiện lên trong hoài niệm về quá khứ. Mùa thu là bức tranh cuối cùng trong bộ tứ bình, thời gian hiện tại.

2.4. Thi pháp nhân vật trữ tình, hình tượng trữ tình

Nói đến thơ trữ tình, điều cơ bản cần nói là khái niệm nhân vật trữ tình, hình tượng trữ tình đó là những con người, đối tượng mà nhà thơ miêu tả, biểu hiện qua cảm xúc, tâm tư của mình. Nhân vật trữ tình có thể có diện mạo, tiểu sử, hành động, lời nói, quan hệ cụ thể nhưng chủ yếu được thể hiện qua giọng điệu, cảm xúc, cách cảm, cách nghĩ. Nhân vật trữ tình khác cái tôi trữ tình, đó là cái tôi nhà thơ được nghệ thuật hóa, là tác giả tự biểu hiện thế giới tâm hồn của mình. Nhà lí luận văn học Nga Ju. Tynianov trong một bài nghiên cứu về thơ của A. Bloc năm 1921 đã viết: “Cái giọng điệu của tác giả mà ta cảm thấy trong thơ (cá nhân nhà thơ, cái tôi nhà thơ, tác giả với cái tính thứ nhất của nó) lại chính là bản thân tác phẩm nghệ thuật, là khách thể nghệ thuật, là một thực tại

loại khác so với thực tại sống, cho nên cái Tôi đó đã không phải là người sáng tạo đã tạo ra thế giới nghệ thuật này, mà chỉ là người sống trong thế giới được sáng tạo”.

Nhân vật trữ tình là người sống trong thế giới nghệ thuật, về một chừng mực nào đó nó cũng có suy nghĩ, hành động tương tự như các nhân vật trong các thể loại khác. Chẳng hạn, anh bộ đội trong bài **Bầm ơi**, bà mẹ trong bài **Bà mẹ Việt Bắc** của Tố Hữu. Thơ trữ tình vì vậy luôn cho thấy một con người cụ thể, sống động, có cá tính, có quan niệm và những nỗi niềm riêng. Thơ trữ tình bao giờ cũng mang lại sự thật về đời sống tâm hồn của những cá nhân trong các tình huống đời sống và xung đột xã hội cụ thể. Nhân vật trữ tình còn là người đại diện cho một lớp người, một giai cấp, một dân tộc để phát biểu. Lời lẽ riêng tư và ý nghĩa chung thường hòa nhập trong những lời nhân vật trữ tình kiểu này, ví dụ, những người lính nông dân trong bài thơ **Đồng chí** của Chính Hữu.

Thực chất, nhân vật trữ tình trong bài thơ **Việt Bắc** nói chung, trong đoạn trích nói riêng chính là sự phân thân của tác giả, khi thì là ta, khi lại là mình, khi là người ra đi, lúc lại là người ở lại để bộc lộ tình cảm với cách mạng, với kháng chiến. Đoạn trích trong chương trình lớp 12, lời người ở lại được thể hiện qua khổ thơ 1, 3. Còn lại là lời người ra đi.

Hình tượng trữ tình là hình tượng nghệ thuật trong văn học. Vì thế, hình tượng trữ tình trong thơ biểu hiện các phương diện trữ tình, bộc lộ tâm tư, tình cảm của tác giả. Có thể nói rằng, trong thơ Tố Hữu, hình tượng trung tâm chính là Bác Hồ. Người là hiện thân của ý chí, sức mạnh, niềm tin của cả dân tộc. Ngoài ra, còn có hình tượng thiên nhiên bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông. Dưới ngòi bút tinh tế của nhà thơ, bốn mùa xuân - hạ - thu - đông trở thành bức họa tứ bình với nghệ thuật chấm phá tạo hình độc đáo.

2.5. Thi pháp thể loại

Các tác phẩm văn học của các tác giả từ Khuất Nguyên đến Đỗ Phủ, từ Rôngxa đến Aragong, từ Nguyễn Trãi đến Phan Bội Châu... cũng có những mặt gần gũi về điệu cảm xúc của tâm hồn, về phương thức biểu hiện thế giới nội cảm của nhà thơ nhưng đều rất khác nhau về nội dung tư tưởng, thể loại. Có nhiều định nghĩa khác nhau về thi pháp thể loại. Sách *Lí luận văn học* do các tác giả: Trần Đình Sử (chủ biên), La Khắc Hòa, Phùng Ngọc Kiếm, Nguyễn Xuân Nam có đưa ra khái niệm: “Thể loại tác phẩm văn học là khái niệm chỉ quy luật loại hình của tác phẩm, trong đó ứng với một loại nội dung nhất định có một loại hình thức nhất định, tạo cho tác phẩm một hình thức tồn tại chính thể”. *Từ điển thuật ngữ văn học*, do Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên) xác định thể loại văn học như sau: “Thể loại văn học là dạng thức của tác

phẩm văn học, được hình thành và tồn tại tương đối ổn định trong quá trình phát triển lịch sử văn học, thể hiện ở sự giống nhau về cách thức tổ chức tác phẩm, về đặc điểm của các loại hiện tượng đời sống được miêu tả và về tính chất của mối quan hệ của nhà văn đối với các hiện tượng đời sống ấy”.

Thể loại văn học là một hiện tượng mang tính thời đại. Ở Trung Quốc cổ đại phát triển các tác phẩm với thể loại trữ tình như *Kinh thi, Li tao*, thể loại tiểu thuyết phát triển muộn. Ở Việt Nam, thể loại văn học phát triển sau như: thơ, phú, các thể loại truyện kí truyền kì, các thể loại văn học hiện đại... Như vậy, thể loại văn học thể hiện các quy luật phản ánh đời sống và tổ chức tác phẩm một cách tương đối ổn định và bền vững, đã được định hình trong thực tiễn sáng tác. Nhưng mặt khác, thể loại cũng được tái sinh, đổi mới để thích ứng với nội dung hiện thực.

Vì vậy, có nhiều cách phân loại khác nhau trong đó có cách truyền thống “chia ba” ở phương Tây: loại tự sự, trữ tình, kịch. Loại tự sự tái hiện đời sống thông qua việc miêu tả sự kiện. Loại kịch gồm các tác phẩm đem nhân vật đặt lên sân khấu để chúng tự biểu hiện qua hành động của chúng. Loại trữ tình gồm các tác phẩm thông qua sự bộc lộ tình cảm của tác giả mà phản ánh hiện thực. Tác giả trực tiếp bộc bạch những cảm xúc và tình cảm yêu ghét của mình trước hiện thực đời sống. Ở đây, thơ dừng lại ở nhân tố nội tại, ở cảm giác và các ý nghĩ trong giai đoạn tìm tòi, tinh thần từ hiện thực bên ngoài rút lui vào bản thân, đem mọi vật bên ngoài chuyển vào bản thân và trút mọi sắc thái sắc sỡ phong phú ấy cho thơ. Ở đây, cá tính nhà thơ chiếm vị trí chủ đạo và chúng ta chỉ còn biết thông qua cá tính nhà thơ mà cảm thụ và lí giải tất cả. Loại này thường không có cốt truyện hoàn chỉnh, dung lượng thường ngắn, bao gồm cả văn xuôi trữ tình. Ở Trung Quốc có cách chia bốn: thơ ca, tiểu thuyết, văn xuôi, kịch. Ở Việt Nam, sách *Ngữ văn* lớp 10 do các tác giả: Phan Trọng Luận, Lã Nhâm Thìn, Bùi Minh Toán, Lê A... đã chia hệ thống thể loại của văn học viết như sau: Thứ nhất, văn học từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX: trong văn học chữ Hán, có ba nhóm thể loại chủ yếu: văn xuôi (truyện, kí, tiểu thuyết chương hồi...); thơ (thơ cổ phong, thơ Đường luật, từ khúc...); văn biên ngẫu (hình thức trung gian giữa thơ và văn xuôi, được dùng nhiều trong phú, cáo, văn tế...). Ở văn học chữ Nôm, phần lớn các thể loại là thơ (thơ Nôm Đường luật, truyện thơ, ngâm khúc, hát nói) và văn biên ngẫu. Thứ hai, văn học từ đầu thế kỉ XX đến nay: loại hình và loại thể văn học có ranh giới tương đối rõ ràng hơn. Loại hình tự sự có tiểu thuyết, truyện ngắn, kí (bút kí, tùy bút, phóng sự). Loại hình trữ tình có thơ trữ tình và trường ca. Loại hình kịch có nhiều thể như kịch nói, kịch thơ...

Với bao cách chia khác nhau nhưng *Việt Bắc* được viết bằng thể thơ dân tộc lục bát. Thể thơ được kết hợp giữa câu 6 tiếng với câu 8 tiếng cùng cách gieo vần liên tiếp giữa 2 câu tạo cho bài thơ, đoạn thơ nhịp điệu du dương, uyển chuyển, nhịp nhàng. Đọc đoạn thơ người ta nghe như có tiếng lòng mình đâu đó. Tâm trạng người đọc, người nghe như hòa nhịp với nỗi lòng, tâm tư nhân vật trữ tình. Tự hào thay cả một dân tộc anh hùng, yêu mến thay cảnh và người Việt Bắc. Tất cả đều ở thể loại dân tộc mới có giá trị lớn như thế.

3. Kết hợp các phương pháp dạy học tích cực khi vận dụng thi pháp tác phẩm vào việc đọc hiểu đoạn trích Việt Bắc.

3.1. Phương pháp đọc sáng tạo

Đọc sáng tạo có nghĩa là đọc văn để học, phải có một tiến trình tự sáng tạo mà thâm nhập tác phẩm, tiếp cận văn chương. Đọc sáng tạo có 3 mức độ: đọc đúng, đọc hay, đọc diễn cảm. Đối với giáo viên, việc đọc diễn cảm của thầy có vai trò quan trọng trong hướng dẫn học sinh thâm nhập vào tác phẩm. Thầy hướng dẫn học sinh đọc đúng giọng điệu, chú ý điểm nhấn vào các từ ngữ quan trọng, nhịp điệu câu thơ, phù hợp với mạch cảm xúc bài thơ, đoạn thơ. Học sinh cũng cần có nghệ thuật đọc, phải đọc trước ở nhà, qua đọc học sinh có thể dễ dàng tìm hiểu được giá trị của tác phẩm. Việc đọc văn bản thơ diễn ra thường xuyên trong giờ học: đọc cả bài, đọc từng phần, từng khổ, thậm chí đọc 1, 2 câu thơ khi phân tích. Phương pháp đọc sáng tạo bước đầu có sự phân loại năng lực cho học sinh. Trên cơ sở đọc, giáo viên nắm bắt năng lực các em và uốn nắn được từng đối tượng học sinh.

Ở đoạn trích *Việt Bắc* của Tố Hữu, giọng đọc thay đổi theo từng khổ thơ, theo nội dung đoạn trích. Giọng thiết tha, tâm tình trong cảnh chia tay, giọng mạnh mẽ, khỏe khoắn khi nhớ lại những trận đánh của quân dân Việt Bắc, giọng vui tươi, phấn khởi, tự hào khi nhắc đến Cụ Hồ, Đảng.

3.2. Phương pháp đàm thoại

Đàm thoại là phương pháp GV xây dựng hệ thống câu hỏi cho HS trả lời hoặc trao đổi, tranh luận với nhau dưới sự chỉ đạo của thầy, qua đó tiếp nhận kiến thức. Giáo viên đàm thoại với học sinh qua các câu hỏi, giáo viên hỏi, học sinh trả lời các câu hỏi trong nội dung bài học. GV và HS, HS và HS trực tiếp trao đổi và thảo luận về các vấn đề trong quá trình dạy học. Phương pháp này có thể sử dụng cho tất cả các khổ thơ. Giáo viên có thể hỏi học sinh những câu hỏi như: Em hiểu thế nào là tứ thơ, thử tìm tứ thơ trong đoạn trích *Việt Bắc*? Nhân vật trữ tình trong *Việt Bắc* bày tỏ tình cảm của mình như thế nào?

3.3. Phương pháp trực quan

Trực quan là một trong những nguyên tắc dạy học cơ bản. Con người tiếp nhận thông tin bằng nhiều kênh: thị giác, thính giác, xúc giác. Đáng tiếc là trong nhà trường chúng ta hiện nay, nguyên tắc này không được coi trọng, HS thường chỉ được nghe giảng chứ ít có cơ hội được nhìn, được sờ vào hình ảnh, mẫu vật, được làm thí nghiệm. Bảng thống kê sau sẽ cho ta thấy tầm quan trọng của trực quan trong dạy học:

Hoạt động học nhớ và hiểu	Đọc	Nghe	Nhìn	Thảo luận	Thí nghiệm	Giải thích
	10%	20%	30%	50%	70%	90%

Để giúp HS vượt qua được những khó khăn trong tiếp nhận văn học, GV nên dùng tranh ảnh, hiện vật hoặc sử dụng biểu bảng, mô hình trong giờ giảng văn. Những tranh ảnh đó có thể là: chân dung nhà văn, bức tranh (ảnh) thôn Vĩ, bức ảnh rừng liễu, lầu Hoàng Hạc, chiếc lá bàng đang chuyển hóa từ màu xanh sang đỏ, đôi câu đối viết chữ Hán, quả cau, miếng trầu...

Nếu không biết chữ Hán được viết như thế nào thì HS khó có thể cảm nhận được cảnh *một người tù, cổ đeo gông, chân vướng xiềng đang đăm tồ từng nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng trên mảnh ván. Người tù viết xong một chữ, viên quản ngục lại vội khúm núm cất những đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ đặt trên phiến lụa óng trong **Chữ người tử tù***. Do đó, việc sử dụng tranh ảnh, hiện vật có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong giờ giảng văn.

Ở đoạn trích **Việt Bắc**, giáo viên có thể yêu cầu học sinh về nhà tìm những bức tranh hay đoạn video về nội dung bài dạy, để bài dạy sinh động hơn. Đầu tiên là bức chân dung tác giả Tố Hữu, nhà thơ, nhà chính trị đáng kính của dân tộc Việt Nam. Tiếp theo là bức ảnh hoặc một đoạn video về thời kì kháng chiến chống Pháp, đoàn quân hùng dũng ra trận với sức mạnh rung trời chuyển đất “*Quân đi điệp điệp trùng trùng*”. Hoặc những bức ảnh về cảnh và người Việt Bắc “*Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi*”.

3.4. Phương pháp dạy học tích hợp liên môn

Dạy học tích hợp có nghĩa là đưa những nội dung giáo dục có liên quan vào quá trình dạy học các môn học như: tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; giáo dục pháp luật; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển, đảo; bảo vệ môi trường, an toàn giao thông... Do yêu cầu của mục tiêu dạy học phát triển năng lực học sinh, đòi hỏi phải tăng cường yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề thực tiễn bao gồm cả tự nhiên và xã hội, đòi hỏi học sinh phải vận dụng kiến thức tổng hợp, liên quan đến nhiều môn học.

Khi dạy học một tác phẩm văn học cần phải có sự tích hợp giữa các phân môn, kết hợp liên môn, liên ngành để tác phẩm được nhìn đa chiều, đa diện. Dạy học đoạn trích **Việt Bắc** cần tích hợp kiến thức các môn học khác nhau như môn Lịch sử, Địa lí để học sinh mở rộng thêm kiến thức cho mình, học sinh khám phá sâu sắc hơn các bài học nói chung và đoạn trích **Việt Bắc** nói riêng. Các em không chỉ thấy những nét nghệ thuật đặc sắc của đoạn trích mà còn thấy được cả một thời kì lịch sử oanh liệt, anh dũng suốt cả các trận đánh của không gian Việt Bắc.

Việt Bắc giúp học sinh hiểu thêm các kiến thức lịch sử. Đó là các trận đánh hồi đầu kháng chiến chống Pháp ở Phủ Thông, đèo Giàng; trận sông Lô đánh tàu chiến Pháp trong chiến dịch Việt Bắc (cuối năm 1947), trận đánh đồn phố Ràng thuộc Yên Bái (năm 1948); chiến dịch Cao – Lạng (năm 1950); Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên là những chiến dịch lớn trong những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp. Ngoài ra, cây đa Tân Trào là nơi làm lễ xuất quân của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, đình Hồng Thái là nơi họp Quốc dân Đại hội (tháng 8 – 1945). Giáo viên còn chú ý cung cấp thêm cho học sinh các kiến thức về địa lí qua các địa danh trong căn cứ địa Việt Bắc như: Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê là những địa danh trong khu căn cứ địa Việt Bắc; Đồng Tháp là khu căn cứ kháng chiến ở Nam Bộ; đèo De, núi Hồng là những địa danh, nơi có các cơ quan của Trung ương Đảng và Chính phủ thời kì kháng chiến. Như vậy, kết hợp kiến thức các môn trong dạy học đoạn trích **Việt Bắc** của Tố Hữu là điều rất cần thiết.

III. Tiến trình tiết dạy

Tiết: 26, 27

Ngày soạn: 20/9/2017

Ngày giảng: 25/9/2017

Độc văn: VIỆT BẮC

(Trích - Tố Hữu)

Phân một: TÁC GIẢ

Phân hai: TÁC PHẨM

I. Mục tiêu cần đạt :

Sau khi học xong bài, học sinh cần ghi nhớ:

1. Kiến thức: Ghi nhớ được một thời kháng chiến gian khổ mà hào hùng, tình nghĩa thấm thiết của những người kháng chiến với Việt Bắc, với nhân dân, đất nước. Nhận thức được tính dân tộc đậm đà không chỉ trong nội dung mà còn ở hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

2. Kỹ năng: Trình bày, trao đổi về nghệ thuật triển khai tứ thơ, thi pháp kết cấu, thi pháp thời gian, không gian trong đoạn trích **Việt Bắc**. Phân tích, so sánh, bình luận về thi pháp nhân vật trữ tình, hình tượng trữ tình, thi pháp thể loại.

3. Thái độ: Nhận thức về nghĩa tình thủy chung cách mạng của những con người Việt Bắc. Học sinh thêm yêu thơ Tố Hữu, tìm đọc nhiều hơn thơ Tố Hữu. Giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước trong mỗi con người Việt Nam.

II. Chuẩn bị :

- GV: Soạn bài , chuẩn bị tư liệu giảng dạy SGK, SGV, Thiết kế bài học
- HS chuẩn bị: đọc kỹ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn học bài.

III. Phương tiện: SGK, SGV, Thiết kế bài học, tài liệu tham khảo, tranh, ảnh...

IV. Phương pháp:

- Cho HS đọc phân vai một số khổ thơ. HS tìm 1 số bức ảnh về Việt Bắc.
- Phát vấn, thảo luận, đọc sáng tạo, đàm thoại, tích hợp liên môn.

V. Tiến trình tổ chức:

1. Ổn định tổ chức: 1 phút Sĩ số: 40 Vắng: 0

2. Kiểm tra bài cũ: 4 phút

Câu hỏi:

Em hãy trình bày chặng đường cách mạng, chặng đường thơ của Tố Hữu?

Đáp án:

1. Từ ấy: (1937- 1946)

2. Việt Bắc: (1946- 1954)

3. Gió lộng: (1955- 1961)

4. Ra trận (1962- 1971), Máu và hoa(1972- 1977)

5. Một tiếng đờn (1992), Ta với ta (1999)

3. Bài mới:

Lời vào bài: 2 phút

GV cho 2 dãy chơi trò chơi qua câu hỏi: Em hãy kể tên những bài thơ của Tố Hữu mà em đã được học hoặc đọc thêm?

4 tổ chia làm 2 dãy từng bạn một thay nhau đứng lên kể tên các tác phẩm của Tố Hữu như: *Lượm, Từ ấy, Bác ơi, Việt Bắc, Sáng tháng Năm, Hoan hô chiến sĩ Điện Biên, Bài ca mùa xuân 1961, Chào xuân 67, Lên Tây Bắc, Người con gái Việt Nam....* Đội nào kể được nhiều tên hơn sẽ thắng, được nhận phần thưởng là một hộp bút bi. Sau đó, GV kết luận: Các em đã đọc, đã kể tên được khá nhiều bài thơ của Tố Hữu cho thấy sáng tác của nhà thơ phong phú về cả nội dung và số lượng, xứng đáng là lá cờ đầu của nền văn học cách mạng Việt Nam. Hôm nay, cô trò chúng ta đi vào thế giới thơ phong phú ấy qua đoạn trích nổi tiếng cùng tên với tập thơ đó là *Việt Bắc*.

Hoạt động 1: 18 phút

Hướng dẫn HS tìm hiểu chung

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>GV hướng dẫn HS tìm hiểu phần tiểu dẫn</p> <p>? Bài thơ được lấy cảm hứng nghệ thuật từ đâu?</p> <p>Khi người cán bộ cách mạng về xuôi, người dân Việt Bắc băn khoăn liệu họ có còn giữ được tấm lòng thủy chung đối với Việt Bắc hay không? Tố Hữu viết bài thơ nhằm giải thích vấn đề ấy.</p> <p>? Xác định vị trí của đoạn trích ? Yêu cầu HS đọc sáng tạo, giọng thay đổi theo nội dung từng khổ thơ. Khổ thơ 1, 2, 3, 4 đọc phân vai.</p> <p>? Em có nhận xét gì về kết cấu của đoạn trích?</p> <p>? Theo em, <i>mình- ta</i> ở đây</p>	<p>I. Tiểu dẫn</p> <p>1. Cảm hứng nghệ thuật:</p> <p>Tháng 10-1954, sau chiến thắng Điện Biên Phủ, các cơ quan Trung ương Đảng và Chính phủ từ Việt Bắc về lại Hà Nội. Tố Hữu cũng là một trong số những cán bộ kháng chiến từng sống gắn bó nhiều năm với Việt Bắc, nay từ biệt chiến khu về xuôi. Trong không khí bịn rịn nhớ thương của kẻ ở người đi, Tố Hữu làm bài thơ này.</p> <p>2. Vị trí đoạn trích:</p> <p>Đoạn mở đầu của bài thơ</p> <p>Bài thơ trong phần đầu của tập <i>Việt Bắc</i></p> <p>3. Đọc – chú thích:</p> <p>Khi giọng thiết tha, tâm tình, khi giọng mạnh mẽ, khỏe khoắn, lúc giọng vui tươi, phấn khởi.</p> <p>4. Kết cấu:</p> <p>- Theo lối hát giao duyên (đối đáp).</p> <p>- <i>Mình- ta</i>: nhân vật trữ tình tự phân thân để giải bày tâm sự.</p> <p>5. Nghệ thuật triển khai tứ thơ:</p>

có thể là ai ?	Là sự liên tưởng, hồi tưởng về khoảng cách thời gian từ những năm 1940 – 1954. Nhà thơ đã chọn cách đối đáp giữa người cán bộ miền xuôi với người miền ngược để khơi dậy được một thời cách mạng và kháng chiến gian khổ mà anh hùng, nghĩa tình gắn bó thắm thiết của những người kháng chiến với Việt Bắc, với nhân dân, đất nước.
----------------	--

Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản: 20 phút

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>? Em cho biết nhân vật trữ tình của đoạn trích là ai, bộc lộ tâm trạng gì? GV dùng phương pháp đàm thoại và diễn giảng để giúp HS hiểu về sự phân thân của ta – mình. Mở đầu bài thơ là lời của ai? ? Em có chú ý gì đến cách xưng hô? ? Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì trong 4 câu thơ đầu? ? Trước tâm trạng băn khoăn của người dân Việt Bắc, người cán bộ cách mạng có cảm nhận được không? Tình cảm của người ra đi đối với Việt Bắc như thế nào? ? Nhận xét gì về nghệ thuật sử dụng trong 2 câu?</p>	<p>II. Đọc hiểu văn bản 1. Nhân vật trữ tình – hình tượng trữ tình (17 phút) a. Nhân vật trữ tình: * 4 câu đầu: Lời của nhân vật trữ tình – lời hỏi ngọt ngào của người ở lại. - Minh- ta: hai đại từ, hai cách xưng hô quen thuộc của ca dao như một khúc giao duyên đắm thắm → tạo không khí trữ tình cảm xúc. - Minh- ta đặt ở đầu câu thơ tạo cảm giác xa xôi, cách biệt, ở giữa là tâm trạng băn khoăn của người ở lại. - Từ “<i>nhớ</i>” lặp lại 4 lần làm tăng dần nỗi nhớ về cội nguồn, nhớ về vùng đất đầy tình nghĩa. => 4 câu đầu tạo thành 2 câu hỏi rất khéo: 1 câu hỏi về không gian, 1 câu hỏi về thời gian, gói gọn một thời cách mạng, một vùng cách mạng. * 4 câu tiếp: Nhân vật trữ tình - Tiếng lòng người ra đi: - Người Việt Bắc hỏi “<i>thiết tha</i>”, người ra đi nghe là “<i>tha thiết</i>” => sự hô ứng về ngôn từ tạo nên sự đồng vọng trong lòng người. - “<i>bâng khuâng</i>”, “<i>bồn chồn</i>”=> tâm trạng vẩn vơ, không nói nên lời vì có nhiều kỉ niệm với Việt Bắc. - «Áo chàm»: hoán dụ gợi hình ảnh quen thuộc người dân Việt Bắc - tình cảm tha thiết sâu nặng</p>

<p>? Em tìm hình tượng trữ tình trong đoạn thơ? <i>Ở đâu u ám quân thù, Nhìn lên Việt Bắc: Cụ Hồ sáng soi</i></p> <p><i>Ở đâu đau đớn giống nòi, Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền.</i> <i>Mười lăm năm ấy, ai quên</i> <i>Quê hương Cách mạng dựng nên Cộng hoà</i></p> <p>Củng cố, dặn dò : 2 phút Củng cố: Dặn dò:</p>	<p>của đồng bào Việt Bắc đối với cán bộ về xuôi.</p> <p>b. Hình tượng trữ tình:</p> <p>- Hình tượng trung tâm chính là Bác Hồ: hiện thân của ý chí, sức mạnh, niềm tin của dân tộc: + Bác Hồ chính là ánh sáng soi đường cho cả dân tộc, xua tan bóng tối u ám của kẻ thù. + Bác Hồ là linh hồn của Đảng, là trái tim của thủ đô kháng chiến.</p> <p>=> Lời thơ cũng là tiếng lòng của Tố Hữu với nhân dân và núi rừng Việt Bắc, với Bác. Nhưng điều kì diệu là con người phi thường Hồ Chí Minh qua ngòi bút của Tố Hữu lại bình dị và gần gũi.</p> <p>HS cần ghi nhớ: cảm hứng nghệ thuật, kết cấu, tứ thơ, nhân vật trữ tình, hình tượng trữ tình. HS học thuộc thơ, học phần phân tích. Chuẩn bị tiết tiếp theo của bài học.</p>
---	--

Tiết 2: (Vì 2 tiết liền nhau nên GV xen kiểm tra bài cũ trong bài mới)

Hoạt động 1: Đọc hiểu văn bản (tiếp theo) 20 phút

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>? Trong đoạn trích Việt Bắc, em thấy còn xuất hiện hình tượng trữ tình nào nữa? Ý nghĩa của hình tượng đó? HS thảo luận theo bàn trong 3 phút rồi GV gọi đại diện trả lời</p> <p>Cho HS tìm những câu thơ, khổ thơ sử dụng thi pháp thời gian. Thi pháp thời gian trong đoạn trích vận động ra sao? ? Thời gian ở hai câu thơ</p>	<p>b. Hình tượng trữ tình:</p> <p>- Trong bài thơ cũng như trong đoạn trích Việt Bắc chính là hình tượng thiên nhiên bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông. Bốn mùa khi lắng dịu, khi rục rờ, chói chang, khi dịu dàng, náo nức.</p> <p>2. Thi pháp thời gian</p> <p>Hiện tại - quá khứ - tương lai.</p> <p>- Thời gian mở đầu ở <i>hiện tại</i> được gọi lên bằng một câu hỏi ngọt ngào nhớ về <i>quá khứ</i>:</p> <p style="text-align: center;"><i>Mình về mình có nhớ ta</i> <i>Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng</i></p> <p>Ta ngỡ như nghe một câu ca dao tình yêu, người tình nhắc nhở “mười lăm năm ấy” chứa chan kỉ niệm. + “Mười lăm năm ấy” là khoảng thời gian từ “khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh” (1941 – 1945).</p>

<p>mở đầu là ở quá khứ hay hiện tại?</p> <p>? Cụm từ “mười lăm năm ấy” là khoảng thời gian nào?</p> <p>? Sau thời gian quá khứ, đoạn thơ trở về thời gian hiện tại qua những từ ngữ nào? Hiệu quả nghệ thuật của chúng?</p> <p>Thời gian 4 mùa xuân, hạ, thu, đông có những điểm gì đặc sắc?</p> <p>Cho HS xem những bức tranh hoa chuối rừng, hoa mơ nở trên rừng Việt Bắc.</p> <p>? Xen vào giữa bức tranh thiên nhiên, con người hiện lên ra sao? Ý nghĩa?</p> <p>? Nhà thơ hồi tưởng về quá khứ qua những hình ảnh thời gian nào? Em hãy lấy dẫn chứng minh họa?</p> <p>HS xem tranh cảnh đoàn quân đi điệp điệp trùng trùng ra trận với khí thế, sức mạnh rung trời</p>	<p>Và sau đó là những năm kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), thời gian Việt Bắc trở thành căn cứ địa của cách mạng, thời gian mà <i>ta</i> và <i>mình</i> từng gắn bó, chia ngọt sẻ bùi, biết bao <i>thiết tha mặn nồng</i>.</p> <p>+ Một lời khẳng định sắt son, thủy chung của người ra đi chính là lời hứa ở thời gian <i>hiện tại</i>: <i>Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh</i></p> <p><i>Sau trước</i> còn gọi một khoảng thời gian dài từ trước đến sau, từ quá khứ - hiện tại - tương lai, thời gian khiến con người thêm hiểu lòng nhau.</p> <p>- Thời gian tiếp theo là 4 mùa: xuân, hạ, thu, đông (<i>quá khứ - hiện tại</i>).</p> <p>+ Mùa đông, mùa xuân, mùa hạ là những cảnh sắc hiện lên trong hoài niệm về quá khứ, về thiên nhiên và con người Việt Bắc. <i>Ngày xuân</i> là từ ngữ gọi thời gian. Âm thanh ve kêu là định vị thời gian của mùa hè.</p> <p>+ Mùa thu: mùa của chia li với bao vấn vương, lưu luyến. Câu thơ có kiểu mở đầu bằng sự định vị cả không gian lẫn thời gian (rừng thu) là điểm khác biệt nhất trong cả bốn bức tranh trên.</p> <p>=> Bức tranh thiên nhiên tươi sáng, phong phú, sinh động, thay đổi theo thời tiết, theo mùa.</p> <p>- Thời gian những năm tháng của cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện (<i>hồi tưởng về quá khứ</i>)</p> <p>+ Thời kì đầu, giặc tấn công: <i>Nhớ khi giặc đến giặc lùng....vây quân thù</i></p> <p>toàn dân đánh giặc, dựa vào rừng núi, nhân dân đoàn kết chặt chẽ, thiên nhiên và con người cùng chung sức.</p> <p>+ Thời kì tiếp theo là thời gian lâu dài của cuộc kháng chiến trường kì, gian khổ “đêm đêm, nghìn đêm”. Cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi đó là nhờ sức mạnh toàn dân, sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, Bác Hồ.</p> <p>- Hướng tới tương lai đó là hình ảnh Bác Hồ, Việt</p>
--	---

<p>chuyển đất.? Em cho biết hình ảnh Bác tượng trưng cho thời gian nào?</p>	<p>Bắc với niềm tin tươi sáng, vững bền: <i>Ở đâu u ám quân thù Nhìn lên Việt Bắc: Cụ Hồ sáng soi Ở đâu đau đớn giống nòi Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền</i></p>
---	---

Hoạt động2: 12 phút

Hoạt động của thầy - trò	Nội dung cần đạt
<p>? Bên cạnh thời gian, không gian kháng chiến được Tố Hữu mở ra bằng những chi tiết, hình ảnh nào?</p> <p>? Không gian Việt Bắc có ý nghĩa ra sao?</p> <p>? Cụ thể hơn, các địa danh trong đoạn thơ được Tố Hữu nhắc đến có ý nghĩa như thế nào?</p>	<p>3. Không gian kháng chiến Việt Bắc và lời ca ngợi Đảng, Bác Hồ</p> <p>- <i>Mình về mình có nhớ không Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?</i> <i>Nhìn cây, nhìn sông: nhìn cây có nhớ núi, nhìn sông có nhớ nguồn, về xuôi rồi có còn nhớ Việt Bắc...?</i></p> <p>- Không gian Việt Bắc: + Quê hương cách mạng, là căn cứ địa vững chắc. + Không gian núi rừng rộng lớn. + Hoạt động tập nập, hình ảnh hào hùng. → Bức tranh Việt Bắc vừa chân thực, vừa hoành tráng, thiên nhiên cùng con người đánh giặc cứu nước.</p> <p>Việt Bắc là niềm tin và hy vọng của mọi người dân yêu nước. => Đoạn thơ thể hiện cảm hứng ngợi ca Việt Bắc, ngợi ca cuộc kháng chiến chống Pháp oanh liệt.</p> <p>-Tố Hữu nhắc đến rất nhiều địa danh, có những cái tên đã đi vào lịch sử, không gian kỷ niệm: <i>Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa?... Ngòi Thia sông Đáy, suối Lê vơi đầy... Ta về ta nhớ Phủ Thông, đèo Giàng Nhớ sông Lô, nhớ phố Ràng Nhớ từ Cao Lạng nhớ sang Nhị Hà</i></p> <p>- Niềm vui chiến thắng đến với Việt Bắc từ muôn nơi: <i>Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên, Đông Tháp, An Khê, Việt Bắc, đèo De, núi Hồng.</i></p> <p>Đoạn thơ tràn đầy âm hưởng của sử thi hiện đại: không khí hào hùng của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - thế hệ trẻ hiểu biết, tự hào về cuộc sống</p>

	<p>một thời của cha ông.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những câu thơ đậm chất anh hùng ca với những động từ mạnh, điệp ngữ, so sánh, liệt kê, hoán dụ đã diễn tả được khí thế và sức mạnh, quyết chiến, quyết chiến của dân tộc.
--	--

Hoạt động 3: Tổng kết: 6 phút

Hoạt động của thầy - trò	Nội dung cần đạt
<p>Qua 2 tiết học, em rút ra những nét chính về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích Việt Bắc?</p>	<p>III. Tổng kết:</p> <p>1. Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giọng thơ tâm tình, ngọt ngào tha thiết, giàu tính dân tộc. Thể thơ truyền thống vận dụng tài tình. - Thi pháp tác phẩm, không gian, thời gian, hình ảnh đậm sắc miền núi, phép tu từ hoán dụ... - Bút pháp cổ điển, hiện đại. <p>2. Nội dung: Việt Bắc là khúc ân tình thủy chung của những người cách mạng, của cả dân tộc qua tiếng lòng của tác giả. Đó còn là khúc hùng ca và cũng là khúc tình ca về cách mạng, về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến.</p> <p>* Ghi nhớ : SGK</p>
<p>Hoạt động 4: 5 phút</p>	<p>IV. Luyện tập</p> <p>HS làm bài tập 1, 2 SGK trang 114</p> <p>Ta- mình là sự phân thân của nhân vật trữ tình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tìm những câu thơ sử dụng hai đại từ ở khổ thơ 1,2,3,4.
<p>Củng cố, dặn dò: 2 phút</p> <p>Củng cố:</p> <p>Dặn dò:</p>	<p>Học sinh ghi nhớ nội dung của bài học, phong cách nghệ thuật của Tố Hữu qua đoạn trích.</p> <p>HS học bài phân phân tích, học thuộc lòng thơ.</p> <p>Soạn bài: Thực hành một số phép tu từ ngữ âm.</p> <p>Tìm đọc thơ Tố Hữu và văn bản đầy đủ bài Việt Bắc.</p>

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Kết quả: Học sinh các lớp dạy theo giáo án thực nghiệm có kết quả hiểu bài cao hơn lớp đối chứng.

Phân tích kết quả khảo sát

GV của lớp thực nghiệm chính là tác giả soạn giáo án, người thực hiện sáng kiến này. Giáo viên cần đọc kỹ giáo án để nghiên cứu và hình dung cách tổ chức giờ học, ý tưởng và những điểm mới của giáo án. Bởi có sự khác biệt giữa giáo án vận dụng thi pháp tác phẩm qua đọc hiểu đoạn trích **Việt Bắc** với giáo án dạy văn bản không chú trọng đến thi pháp tác phẩm.

Để đảm bảo cho giờ học thành công và thể hiện được tinh thần tổ chức hoạt động dạy học tác phẩm theo đặc trưng thi pháp tác giả và thi pháp tác phẩm GV cần chú ý khâu giao nhiệm vụ chuẩn bị bài ở nhà và giúp đỡ HS chuẩn bị tốt bài ở nhà trước khi đến lớp. Sau khi giáo viên và học sinh hoàn thành việc dạy học đoạn trích **Việt Bắc** chúng tôi tiến hành hai bài kiểm tra (kiểm tra 15 phút và kiểm tra 90 phút theo hình thức tự luận) ở cả hai lớp đối chứng và lớp thực nghiệm với cùng một câu hỏi.

Câu hỏi kiểm tra 15 phút lớp 12:

Anh (chị) hãy phân tích thi pháp thời gian, thi pháp không gian của khổ thơ đầu trong đoạn trích **Việt Bắc** của Tố Hữu?

Câu hỏi kiểm tra 90 phút lớp 12:

1. Anh (chị) tìm kết cấu, tứ thơ trong đoạn trích **Việt Bắc** của Tố Hữu?
2. Anh (chị) phân tích bức tranh tứ bình trong đoạn trích **Việt Bắc** của Tố Hữu (SGK Ngữ Văn 12, Tập 1)?

Bảng 1: Thống kê kết quả kiểm tra 15 phút

Loại	Giỏi	Tỉ lệ	Khá	Tỉ lệ	TB	Tỉ lệ	Yếu	Tỉ lệ
Lớp thực nghiệm 12A6	8	20%	23	57,5%	9	22,5%	0	0%
Lớp đối chứng 12A3	4	10%	20	50%	13	32,5%	3	7,5%

Bảng 2: Thống kê kết quả kiểm tra 90 phút

Loại	Giỏi	Tỉ lệ	Khá	Tỉ lệ	TB	Tỉ lệ	Yếu	Tỉ lệ
Lớp thực nghiệm 12A6	7	17,5%	24	60%	8	20%	1	2,5%
Lớp đối chứng 12A3	5	12,5%	21	52,5%	10	25%	4	10%

Đánh giá kết quả thực nghiệm

Từ kết quả của bảng thống kê trên, chúng tôi nhận thấy: lớp thực nghiệm có kết quả trung bình cao hơn lớp đối chứng. Đặc biệt tỉ lệ khá, giỏi cũng cao hơn đáng kể. Sau khi học xong, học sinh lớp thực nghiệm có khả năng tư duy tốt hơn, làm việc độc lập hơn, ghi nhớ được nhiều hơn, có khả năng cảm thụ văn chương sâu sắc hơn, hiểu bài, phân tích, đánh giá sắc sảo hơn. Hơn nữa, các em đứng lên trình bày, trả lời câu hỏi của bài học tự tin, rõ ràng, chặt chẽ hơn (so với lớp đối chứng). Có thể thấy nguyên nhân là học sinh ở các lớp thực nghiệm được vận dụng thi pháp tác phẩm vào việc đọc hiểu đoạn trích **Việt Bắc** của Tố Hữu. Các em bước đầu biết đọc – hiểu tác phẩm văn học khác theo thi pháp tác phẩm.

2. Bài học kinh nghiệm

Thực tế, đoạn trích khá dài, việc giảng dạy Ngữ văn hiện nay vẫn chưa chú trọng vận dụng những lí thuyết thi pháp vào giảng dạy. Giáo viên thường chỉ giảng theo cách nêu ý của văn bản dựa vào cách hiểu chủ quan của bản thân. Điều này làm cho học sinh cảm thấy việc học văn vô cùng khó khăn. Để giúp các em có thể dễ dàng tiếp nhận tác phẩm thì người giáo viên phải hướng dẫn các em chiếm lĩnh tác phẩm thông qua các biện pháp đọc tác phẩm, gắn tác phẩm với lịch sử hình thành, phân tích kết cấu, tìm ra ý nghĩa ngôn từ nghệ thuật, so sánh đối chiếu với tác phẩm khác. Điều đó sẽ giúp các em cảm nhận sâu sắc, biết phân tích, bình giá tác phẩm. Các em đã thực sự thấy thơ Tố Hữu nói chung và đoạn trích **Việt Bắc** nói riêng trở thành một bộ phận không thể tách rời của đời sống tâm hồn Việt Nam. Vì thế, thơ Tố Hữu có thể sánh với bất cứ nhà thơ lớn nào có trong lịch sử dân tộc và nhân loại. Trước mắt và lâu dài, chúng ta cần tìm ra những cách thức, những phương pháp dạy học phù hợp, thể hiện quan điểm vận dụng thi pháp tác phẩm vào việc đọc hiểu đoạn trích **Việt Bắc** của Tố Hữu. Đó chính là chiếc chìa khóa khám phá các tác phẩm văn chương. **Trên cơ sở lí luận và kết quả thực nghiệm đã chứng minh bước đầu tính khả thi của đề tài.**

PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Tố Hữu được coi là con chim đầu đàn vạch hướng cho nền thi ca Việt Nam hiện đại. Ông là nhà thơ trữ tình chính trị lớn của Việt Nam, phong cách thơ độc đáo. Đoạn trích trong bài thơ *Việt Bắc* được đưa vào giảng dạy đã giúp thế hệ học sinh không chỉ học được nội dung, nghệ thuật thơ Tố Hữu mà còn thấy được cả chặng đường lịch sử, bản anh hùng ca về con người kháng chiến và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp oanh liệt, hào hùng của nhân dân Việt Bắc.

Thực tế, đoạn trích khá dài, việc giảng dạy Ngữ văn hiện nay vẫn chưa chú trọng vận dụng những lí thuyết thi pháp vào giảng dạy. Giáo viên thường chỉ giảng theo cách nêu ý của văn bản dựa vào cách hiểu chủ quan của bản thân. Điều này làm cho học sinh cảm thấy việc học văn vô cùng khó khăn. Để giúp các em có thể dễ dàng tiếp nhận tác phẩm thì người giáo viên phải hướng dẫn các em chiếm lĩnh tác phẩm thông qua các biện pháp đọc tác phẩm, gắn tác phẩm với lịch sử hình thành, phân tích kết cấu, tìm ra ý nghĩa ngôn từ nghệ thuật, so sánh đối chiếu với tác phẩm khác. Điều đó sẽ giúp các em cảm nhận sâu sắc, biết phân tích, bình giá tác phẩm một cách khoa học. Các em đã thực sự thấy thơ Tố Hữu nói chung và đoạn trích *Việt Bắc* nói riêng trở thành một bộ phận không thể tách rời của đời sống tâm hồn Việt Nam. Từ già đến trẻ, người Việt Nam hầu như chẳng có ai là không thuộc, không yêu ít nhiều thơ Tố Hữu và đặc biệt thế hệ học sinh coi bài *Việt Bắc* như một hành trang cho tình yêu lí tưởng, cho tình bạn, tình đồng chí, đồng bào. Vì thế, thơ Tố Hữu có thể sánh với bất cứ nhà thơ lớn nào có trong lịch sử dân tộc và nhân loại. Trước mắt và lâu dài, chúng ta cần tìm ra những phương pháp dạy học phù hợp, thể hiện quan điểm vận dụng thi pháp tác phẩm vào dạy học các tác phẩm thơ đặc biệt đoạn trích *Việt Bắc* của Tố Hữu. Đó chính là chiếc chìa khóa khám phá các tác phẩm văn chương. Trên cơ sở lí luận và kết quả thực nghiệm đã chứng minh bước đầu tính khả thi của đề tài.

2. Khuyến nghị

- Chúng tôi mong muốn đề tài sáng kiến kinh nghiệm này sẽ được đưa vào áp dụng trong nhà trường phổ thông để giáo viên được tiếp cận với một hướng giảng dạy mới đối với tác phẩm văn học nói chung, đoạn trích *Việt Bắc* của Tố Hữu nói riêng.

- Giáo viên cần nắm chắc đặc trưng thi pháp nhất là tác phẩm văn học hiện đại để áp dụng vào bài dạy. Giáo viên cần nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thiết kế, hướng dẫn; thường xuyên cập nhật kiến thức khoa

học; phải vận dụng linh hoạt, đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh để nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Cần trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về thơ Tố Hữu, có ý thức chuẩn bị bài trước khi đến lớp; tích cực, chủ động chiếm lĩnh tác phẩm bằng những phương pháp mới. Sáng kiến kinh nghiệm là những kết quả của những suy nghĩ, tìm tòi để vận dụng thi pháp tác phẩm qua đọc hiểu đoạn trích ***Việt Bắc*** của Tố Hữu trong nhà trường THPT. Do đó, sáng kiến cũng có ý nghĩa khoa học và thực tiễn nhất định. Tuy nhiên, sáng kiến sẽ không tránh khỏi những hạn chế. Vì vậy, chúng tôi rất mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của các thầy cô, bạn bè và đồng nghiệp để sáng kiến hoàn thiện hơn.

NGƯỜI VIẾT SÁNG KIẾN

Tôi xin cam đoan sáng kiến trên đây là của bản thân không sao chép của người khác.

Nguyễn Thị Thu Hằng



Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan



Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Giáo dục và Đào tạo** (2007), *Sách giáo khoa, Sách giáo viên Ngữ Văn lớp 12* (Chương trình Chuẩn và Nâng cao), Nhà xuất bản Giáo dục, Việt Nam.
2. **Nguyễn Viết Chữ** (2006), *Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương theo loại thể*, Nxb Đại học Sư phạm.
3. **Phan Huy Dũng** (1999), *Kết cấu thơ trữ tình*, Nxb Hà Nội.
4. **Nguyễn Thị Khánh Dur** (2009), *Thi pháp học và vấn đề giảng dạy văn học trong nhà trường*, Nxb Giáo dục.
5. **Hà Minh Đức** (2001), *Lý luận Văn học*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
6. **Nguyễn Thanh Hùng** (2014), *Kỹ năng đọc hiểu Văn*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
7. **Nguyễn Văn Long** (2009), *Phân tích tác phẩm văn học hiện đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại*, Nxb Giáo dục.
8. **Đoàn Đức Phương** (2006), *Hoài Thanh về tác giả, tác phẩm*, Nxb Giáo dục.
9. **Đoàn Đức Phương** (2008), *Phương pháp luận nghiên cứu văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. **Trần Đình Sử** (1985), *Thi pháp thơ Tố Hữu*, Nxb Đại học Sư phạm.
11. **Nhiều tác giả** (2000), *Tố Hữu về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục.